

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

2. Bà Trần Thanh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 716/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 833/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị H, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn P, xã P1, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ liên hệ: 102/2s, tổ 8, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn:** Anh Phan Văn T1, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn P, xã P1, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: Ấp T2, xã P2, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T1 vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn – chị Hồ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T1 xây dựng gia đình vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện

H1, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng được hơn hai năm tại xã T3, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ cuối tháng 8/2019 do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hay cãi vã nhau. Từ đầu tháng 9/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị H và con chung về sống tại xã Đ, huyện P3, tỉnh Thừa Thiên Huế, anh T1 sinh sống tại ấp T2, xã P2, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phan Hồ Thảo M, sinh ngày 26/12/2017. Ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, anh Phan Văn T1 có mặt tham gia tố tụng có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị H và không đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng vì còn tình cảm vợ chồng với chị H. Anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Đồng thời, anh T1 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

\* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ HKTT của chị H; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của con chung; Đơn xác nhận nơi cư trú của anh T1; Bản tự khai, đơn yêu cầu không hòa giải và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án; Đơn xác nhận thu nhập cá nhân; Biên bản xác minh của UBND xã P2, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật; Có 01 con chung tên Phan Hồ Thảo M, sinh ngày 26/12/2017. Hiện con chung đang sinh sống cùng với chị H.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H ly hôn anh T1.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu về việc giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã triệu tập họp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn-chị Hồ Thị H và bị đơn – anh Phan Văn T1, nhưng chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh T1.

#### **[2] Về nội dung:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P1, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 03/02/2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Phía anh T1 cho rằng còn tình cảm vợ chồng với chị H, nên không đồng ý ly hôn, nhưng trong suốt thời gian ly thân, anh T1 không hề có biện pháp nào để cải thiện hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình với chị H trong khi chị H vẫn một mực cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T1.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị H, anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Phan Hồ Thảo M, sinh ngày 26/12/2017. Hiện cháu M đang sinh sống cùng với chị H tại xã Đ, huyện P3, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con và có cung cấp tài liệu chứng cứ về công việc ổn định và có thu nhập cá nhân 7.000.000đ/tháng. Anh T1 có ý kiến được trực tiếp nuôi con chung vì còn tình cảm với chị H và có công việc làm nghề buôn bán tự do (bán hải sản chợ P2) có thu nhập 500.000đ/ngày, sống trọ cùng gia đình người em gái ruột tại ấp T2, xã P2, huyện N, nhưng anh T1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập nêu trên theo yêu cầu của Tòa án, hơn nữa, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu M về điều kiện môi trường sống (vật chất, tinh thần), giáo dục, nuôi dưỡng, nên việc chấp nhận yêu cầu của chị H về giao cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Phan Văn T1, xử cho chị H được ly hôn anh T1.

Về con chung: Xử giao cháu Phan Hồ Thảo M, sinh ngày 26/12/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị H, anh T1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh T1.

Vì lợi ích của con chung, chị H, anh T1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hồ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000563 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị H đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- UBND xã P1-H1,  
tỉnh Hà Tĩnh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hương**